

# HỘI NGHỊ GIƠNEVƠ NĂM 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG 65 NĂM NHÌN LẠI

GS, TS VŨ DƯƠNG HUÂN

*Học viện Ngoại giao*

**Tóm tắt:** Hội nghị Giơnevơ (1954) về Đông Dương đã diễn ra cách đây 65 năm. Đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước viết về sự kiện này. Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề cần được làm rõ. Trên cơ sở những tư liệu mới, một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam đã đi đến những đánh giá mới về một số vấn đề: Việt Nam có nên tham gia Hội nghị Giơnevơ không khi mà thời điểm năm 1954, Mỹ hoàn toàn không thể can thiệp vào chiến tranh Đông Dương; Việt Nam tham gia Hội nghị Giơnevơ ở vào thế bị động, kết quả hạn chế; Tại sao Việt Nam không đàm phán trực tiếp với Pháp theo đề xuất của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi trả lời phỏng vấn báo chí cuối năm 1953. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng tiên lượng: “Tôi nghĩ như vậy là giải pháp quân sự là không mong muốn và chúng ta phải thương lượng. Và nếu thương lượng thì gặp phải những ý kiến này, ý kiến kia”. Bài viết trao đổi nêu một số nhận định, ý kiến của các nhà khoa học xung quanh vấn đề này, đồng thời bài viết là ý kiến cá nhân của tác giả, mong được chia sẻ, luận bàn.

**Từ khóa:** Hội nghị Giơnevơ; các nước lớn; ba nước Đông Dương; Liên Xô; Trung Quốc; Việt Nam

Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương (1954) là Hội nghị quốc tế đa biên lớn mà Việt Nam tham gia. Tham dự Hội nghị có 9 đoàn đại biểu, trong đó có 5 cường quốc thế giới. Hội nghị đã diễn ra từ ngày 8-5-1954 đến ngày 21-7-1954, trải qua 75 ngày thương lượng với 31 phiên họp, trong đó có 7 phiên toàn thể và 24 phiên họp hẹp cấp Trưởng đoàn. Hội nghị chia làm ba giai đoạn: Giai đoạn I: từ ngày 8-5-1954 đến ngày 19-6-1954; Giai đoạn II: từ ngày 20-6-1954 đến ngày 9-7-1954; Giai đoạn III: từ ngày 10-7-1954 đến ngày 21-7-1954. Đặc biệt, Hội nghị khai mạc đúng một ngày sau chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” (7-5-1954). Hội nghị đã ra Tuyên bố chung

và 3 Hiệp định đình chỉ chiến sự ở ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia, chính thức kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương (1946-1954) và chế độ thuộc địa của Pháp ở Đông Dương; công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Hội nghị đã để lại nhiều bài học cho ngoại giao Việt Nam. Mặc dù, đã có nhiều nghiên cứu về Hội nghị Giơnevơ, song đến nay vẫn còn những ý kiến khác nhau và một số vấn đề cần làm rõ như: có nên tham gia Hội nghị Giơnevơ không? Việt Nam có bị động khi quyết định tham gia Hội nghị và tại sao Việt Nam không đàm phán trực tiếp với Pháp như đề xuất của Chủ tịch Hồ Chí Minh?



## 1. Việt Nam có nên tham gia Hội nghị Gionevo không?

Có những đánh giá khác nhau về kết quả Hội nghị Gionevo. Từ trước đến nay, chúng ta chỉ biết có hai loại ý kiến:

*Loại ý kiến thứ nhất*, Hội nghị Gionevo là một thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam, phản ánh đúng so sánh tương quan lực lượng trên chiến trường cũng như trên bàn Hội nghị và trên thế giới, không có hạn chế. Đây là nhận xét của nhiều nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam. Sách *Đại cương lịch sử Việt Nam* đánh giá: “Giải pháp Gionevo về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương là sự phản ánh tương quan lực lượng đối sánh của các bên tham chiến trên chiến trường ở Đông Dương và lực lượng các nước lớn trên trường quốc tế... Vì hòa bình, độc lập, thống nhất và dân chủ nên Việt Nam phải tiến hành cuộc kháng chiến kéo dài trong 9 năm, đã giành được thắng lợi to lớn và toàn diện, nhất là mặt quân sự”<sup>1</sup>. Văn kiện Đại hội III (9-1960) của Đảng viết: “Việc lập lại hòa bình ở Đông Dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc Việt Nam và đặt cơ sở pháp lý cho việc thống nhất nước ta là một thắng lợi to lớn của nhân dân ta, đồng thời cũng là thắng lợi của phe xã hội chủ nghĩa, hòa bình và dân chủ trên thế giới. Nó phản ánh tình hình lực lượng so sánh ở Đông Dương và trên thế giới lúc bấy giờ”<sup>2</sup>. Tại Hội nghị ngoại giao lần thứ 3 (14-1-1964), Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Sau kháng chiến đến Hội nghị Gionevo 1954, lúc đó ngoại giao của ta thành quốc tế rồi. Ta đã có Liên Xô, Trung Quốc và các nước anh em khác giúp đỡ. Lúc đó, trong nước ta thắng, nên ngoài nước cũng thắng, nó ảnh hưởng lẫn nhau. Nhưng có cái khó là ở chỗ Mỹ muốn nhảy vào thay thế Pháp và muốn ta nhận vĩ tuyến 17. Tình hình lúc đó chỉ có hòa hay đánh. Nếu ta không chịu hòa, thì sẽ phải đánh. Ta tranh đấu mãi từ vĩ tuyến 15, đến vĩ tuyến 16, rồi đến vĩ tuyến 17. Đến đây Việt

Nam không nhượng nữa, Hội nghị phải chịu. Vì thế, nay miền Bắc Việt Nam được hoàn toàn giải phóng và đang xây dựng CNXH. Ít người biết đến điểm này. Khi đó nếu Việt Nam không nhận hòa tức là mắc mưu Mỹ. Tất nhiên thắng lợi thu được là do có Điện Biên Phủ, ngoài ra lại có sự giúp đỡ của các nước anh em nữa”<sup>3</sup>.

*Loại ý kiến thứ hai*, Hội nghị Gionevo là thắng lợi to lớn của nhân dân ba nước Đông Dương, song bên cạnh thắng lợi vẫn còn có không ít hạn chế. Đây là đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu, đặc biệt trong dịp kỷ niệm 50 năm Hội nghị Gionevo (2004). Có thể kể các bài viết của các nhà nghiên cứu như: Hà Văn Lâu, Nguyễn Quang Tạo, Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Phúc Luân, Nguyễn Mạnh Hà... Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu lớn như: Bộ Ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb CTQG, H, 2002; Bộ Ngoại giao: *70 năm xây dựng và phát triển*, Nxb CTQG, H, 2015...

Thắng lợi mà các nhà nghiên cứu chỉ ra là thực dân Pháp rút quân chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, chấm dứt chế độ thuộc địa ở Đông Dương, mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ, các nước công nhận và cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương; miền Bắc Việt Nam hoàn toàn được giải phóng đi lên CNXH làm căn cứ địa vững chắc cho giải phóng miền Nam sau này, căn cứ pháp lý cho đấu tranh tại Hội nghị Pari, là thắng lợi to lớn của nhân dân 3 nước Đông Dương và cổ vũ cho phong trào đấu tranh của nhân dân Á, Phi, Mỹ Latinh...

Bên cạnh thắng lợi, Hội nghị Gionevo còn có nhiều hạn chế như: vĩ tuyến phân vùng ở Việt Nam không thể là vĩ tuyến 17 mà có thể lùi về phía Nam; thời hạn tổng tuyển cử là 2 năm và đã không diễn ra; đại biểu kháng chiến Lào và Campuchia không được tham dự Hội nghị và lực lượng kháng chiến Campuchia không có vùng tập kết; thời gian



chuyển quân ở Việt Nam quá dài đến 300 ngày gần như theo yêu cầu của Pháp... Tuy nhiên, có những công trình chỉ khẳng định là Hội nghị có những hạn chế, song không nêu hạn chế là những vấn đề nào như công trình *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000* viết: “Đối với Việt Nam kết quả cũng như một số mặt hạn chế của Hiệp định Gionevơ... phần nào đã phản ánh chiều hướng chính trị thế giới và tương quan lực lượng giữa các phe sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai”<sup>74</sup>.

Một vấn đề khác là có đánh giá khác nhau giữa một số nhà nghiên cứu về Hiệp định Gionevơ có phản ánh đúng tương quan so sánh lực lượng trên chiến trường không? Xung quanh vấn đề này có hai ý kiến khác nhau. Nhiều nhà nghiên cứu như Nguyễn Quang Tạo, Nguyễn Phúc Luân, Nguyễn Mạnh Hà... khẳng định kết quả Hội nghị phản ánh đúng tương quan lực lượng trên chiến trường cũng như tại bàn đàm phán: “... kết quả mà Đoàn ta đạt được ở Gionevơ cũng đã phản ánh tương quan lực lượng quân sự tại chiến trường Đông Dương lúc đó”<sup>75</sup>. Ngoài ra, phải tính đến tương quan lực lượng trên bàn Hội nghị và xu thế quốc tế lúc đó.

Tháng 10-1998, Bộ Chính trị và Thường vụ Quân ủy Trung ương, dựa trên những thành tựu nghiên cứu mới, tư liệu mới đã đưa ra đánh giá như sau: “Hội nghị Gionevơ chỉ là một bước tạm ngưng cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc để ta củng cố thắng lợi đã giành được chuẩn bị bước sang giai đoạn mới, giai đoạn chống đế quốc Mỹ cứu nước giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc. Ta ký Hiệp định Gionevơ như vậy là đúng lúc, kết thúc kháng chiến chống Pháp như thế là phù hợp, phản ánh đúng so sánh lực lượng ta-địch trên chiến trường và hoàn cảnh quốc tế lúc đó. Vì lúc này về phía địch, thực dân Pháp tuy thất bại lớn nhưng còn lực lượng và còn đảng sau Pháp là đế quốc Mỹ đang có mưu đồ trực tiếp can thiệp vào chiến tranh Đông Dương. Còn ta lúc đó thắng to

nhưng cũng có khó khăn mới, chưa đủ điều kiện để tiếp tục chiến tranh giải phóng cả nước. Trên trường quốc tế, các nước anh em trong đó có Liên Xô, Trung Quốc đều muốn có hòa bình để xây dựng đất nước và đều muốn cuộc chiến tranh ở Đông Dương đi tới một giải pháp”<sup>76</sup>.

Tuy nhiên, một số nhà nghiên cứu cho rằng Hiệp định Gionevơ không phản ánh đúng tương quan lực lượng trên chiến trường. Ông Hà Văn Lâu, nguyên thành viên Đoàn đàm phán của Việt Nam tại Hội nghị, khẳng định: “Hiệp định không phản ánh đầy đủ xu thế thắng lợi của ta trên chiến trường và xu thế của cuộc đấu tranh chính trị giữa ta và Pháp”<sup>77</sup>. Tương quan lực lượng giữa ta và Pháp trên chiến trường Đông Dương là xấp xỉ. Chúng ta có 290.000 quân trong khi Pháp có 330.000 quân. Nhưng sau trận Điện Biên Phủ, chúng ta thắng ở “thế”<sup>78</sup>. Sau Điện Biên Phủ, ở Đông Dương, Pháp thiệt hại lớn, mất gần 1/4 quân số, đã ở thế phòng ngự, không có khả năng tiến công, nguy cơ bị tiêu diệt là thực tế. Điều lo lắng nhất của Pháp lúc đó là làm sao đảm bảo lực lượng còn lại tránh bị tiêu diệt. Thế của địch là thế thua, bị động về chiến lược và chiến đấu trên các chiến trường, trong khi khả năng tăng viện là không có. Tướng H.Navarre được Chính phủ Pháp cho quyền quyết định rút khỏi Hà Nội để “tránh Hà Nội là một Điện Biên Phủ thứ hai”. CIA cũng cho rằng “tình hình quân sự, chính trị của Pháp ở Đông Dương là tồi tệ” và Sách số 9 về Quan hệ Mỹ-Việt Nam đánh giá: “Nếu đã đó không bị ngăn chặn thì nó sẽ đưa đến sự sụp đổ của Pháp vào nửa sau của năm 1954”<sup>79</sup>.

Trên cơ sở nghiên cứu những tư liệu mới, có thêm loại ý kiến thứ ba, cho rằng, việc Việt Nam tham gia Hội nghị Gionevơ là sai lầm. Đây là ý kiến mới, chưa xuất hiện công khai. Kết luận đó được trình bày tại Hội thảo khoa học nội bộ của Bộ Ngoại giao diễn ra vào ngày 27-7-2004. Tại Hội thảo khoa học này, nhà nghiên cứu Lưu Đoàn



Huynh khẳng định việc ký kết Hiệp nghị Gionevor năm 1954 là sai lầm nghiêm trọng, sau Điện Biên Phủ nhẽ ra cần đánh tiếp thì có thể giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước sớm hơn, không phải kéo dài đến 21 năm. Hiệp định để lại hệ quả to lớn, nghiêm trọng, đặc biệt là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thiệt hại về người và của rất lớn vì thời gian dài và kẻ thù lớn mạnh gấp bội so với thực dân Pháp...<sup>10</sup>.

Nhiều ý kiến cho rằng sau Điện Biên Phủ, chúng ta không có khả năng đánh tiếp. Tuy Việt Nam thắng lớn, tinh thần quyết chiến quyết thắng đang dâng cao, nhưng do dốc toàn lực vào trận Điện Biên Phủ nên sức bộ đội ta phần nào mỏi mệt, vũ khí trang bị cần bổ sung, đặc biệt là số thương vong của bộ đội không phải là nhỏ<sup>11</sup>.

Tương quan lực lượng trên chiến trường hoàn toàn đứng, song phải thấy chúng ta thắng như đã phân tích ở trên. Sau Điện Biên Phủ, thế của Việt Nam như chẻ tre, quân Pháp vỡ từng mảng lớn. Chính vì vậy, mà tại cuộc gặp giữa Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp với Chu Ân Lai diễn ra ở Liễu Châu, Nam Ninh, Trung Quốc (3-5-1954 - 7-1954), Hồ Chí Minh đánh giá về triển vọng tình hình Việt Nam như sau: “Nếu như bây giờ chúng ta tiếp tục chiến tranh thì vẫn có thể được nhưng cũng phải đến 3 năm nữa thì chúng ta mới giải phóng được hoàn toàn miền Nam, nếu không có sự can thiệp của Mỹ. Nhưng sự can thiệp của Mỹ là rõ ràng”. Tôi nghĩ như vậy là giải pháp quân sự là không mong muốn và chúng ta phải thương lượng. Và nếu thương lượng thì gặp phải ý kiến này, ý kiến kia<sup>12</sup>.

Như vậy, sau Điện Biên Phủ, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh chúng ta có thể đánh tiếp để giải phóng hoàn toàn đất nước với điều kiện là không có sự can thiệp của đế quốc Mỹ. Liệu đế quốc Mỹ có can thiệp khi ta tiếp tục cuộc chiến để giải phóng đất nước?

Nhà nghiên cứu Lưu Đoàn Huynh khẳng định: vào thời điểm năm 1954, đế quốc Mỹ không có

khả năng và không có ý định can thiệp quân sự trực tiếp vào Đông Dương. Có những lý do như sau: i) Vừa kết thúc chiến tranh Triều Tiên năm 1953, đế quốc Mỹ chết và bị thương khoảng 180.000 người, trong đó chết 63.000 người. Nếu ngay sau đó lại đưa quân đi đánh nhau ở châu Á thì nhân dân Mỹ sẽ kiên quyết phản đối. Cho nên cái mà Tổng thống Aixenhao đưa ra là Học thuyết “đôminô” được nhắc đi nhắc lại là nhằm thăm dò dư luận Mỹ, nhưng không được dư luận Mỹ hưởng ứng; ii) Nếu đế quốc Mỹ can thiệp trực tiếp bằng quân sự thì coi chừng chạm trán với Trung Quốc. Đó là điều đế quốc Mỹ không muốn; iii) Đảng Cộng hòa đã đề ra chính sách quốc phòng mới, gọi là “New look”. Nội dung “New look” là chỉ dùng không quân và hải quân thôi, không dùng bộ binh trong khi đối phó với đối phương. Lúc đó, trong Quốc hội Mỹ, một số nghị sĩ đang dự thảo luật cấm Tổng thống đưa quân chiến đấu ra nước ngoài, nếu không được Quốc hội duyệt. Trước đó, Truman đã lạm dụng quyền của Tổng thống mà không được Quốc hội cho phép khi tham chiến ở Triều Tiên. Tổng thống Aixenhao phải cử Ngoại trưởng Đalét gặp các thượng nghị sĩ chủ chốt của hai đảng để vận động. Đa số các thượng nghị sĩ được hỏi ý kiến đều nói rằng, chúng tôi hiểu tình hình nghiêm trọng lắm, nhưng nếu mang lực quân đi thì chúng tôi không đồng ý. Chúng tôi chỉ đồng ý là dùng hải quân, không quân và phải có kế hoạch hành động thống nhất với các đồng minh<sup>13</sup>.

Ngay cả trong Bộ Tổng tham mưu của Mỹ cũng chống việc gửi quân ra nước ngoài tham chiến. Tướng Richxuyê là người chống mạnh nhất và lôi kéo những người khác chống. Richxuyê nói là đã đại quá khi mang lực quân vào châu Á rồi, nay không đại nữa. Nhiều lần bỏ phiếu thử ở Thượng nghị viện đều thất bại. Vì vậy, ngày 8-6-1954, mới xuất hiện bài của nhà báo S. Rôbôt, nói về cái ngày mà nước Mỹ không gây chiến tranh,



tức là lấy thông tin của tháng tư và tập hợp lại viết nên bài báo đó. Những điều đó cho ta thấy 80% là Mỹ không có khả năng can thiệp. Mà nếu can thiệp, Mỹ cũng sẽ rất lúng túng, nhất là nếu vào miền Bắc Việt Nam thì Mỹ sẽ rất gay go.

Nhà nghiên cứu Phan Doãn Nam cũng cho rằng năm 1954, đế quốc Mỹ cũng không có ý định can thiệp quân sự vào Đông Dương khi ông viết: sau chiến tranh Triều Tiên, đế quốc Mỹ cũng rất ngại phải đụng đầu với Trung Quốc. Mỹ nói là thể sẽ không bao giờ sa lầy vào cuộc chiến tranh trên lục địa châu Á. Hơn nữa, Mỹ muốn Pháp tiếp tục chiến tranh và chủ trương nếu có can thiệp thì can thiệp tập thể khi lập khối quân sự Đông Nam Á (SEATO). Nhưng Anh, Pháp kiên quyết phản đối lập SEATO trước Hội nghị Gionevơ vì lo sẽ phá Hội nghị và Mỹ sẽ đóng vai trò chủ đạo. Vì vậy, có thể khẳng định: không có cơ sở để nói rằng Mỹ sẽ can thiệp quân sự vào Đông Dương năm 1954<sup>14</sup>.

Như vậy, sau Điện Biên Phủ, việc chúng ta không đánh tiếp và ký kết Hiệp định Gionevơ là bỏ lỡ thời cơ giải phóng hoàn toàn đất nước. Sau này, bản thân Trung Quốc cũng thừa nhận ký kết Gionevơ là một sai lầm. Theo Nguyễn Quang Tạo, tháng 11-1968, cố vấn Lê Đức Thọ gặp Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Trần Nghị. Trần Nghị cho rằng ký Hiệp định Gionevơ lúc đó là sai lầm. Sau đó một tháng Đoàn Bí thư Trung ương Cục miền Nam do Nguyễn Văn Linh dẫn đầu thăm Trung Quốc, có Thủ tướng Phạm Văn Đồng đi cùng. Trong cuộc gặp đó, chính Chủ tịch Mao Trạch Đông cũng thừa nhận việc ký Hiệp định Gionevơ là sai lầm. Ta hỏi tại sao Trung Quốc đồng ý mở Hội nghị và Trung Quốc cũng tham gia ký Hiệp định, thì Chu Ân Lai trả lời là Liên Xô muốn như vậy<sup>15</sup>. Một số nhà nghiên cứu Trung Quốc cũng cho rằng việc ký Hiệp định Gionevơ là không đúng. Lý Đơn Tuệ, Giáo sư kiêm chức Đại

học Bắc Kinh viết hai bài nghiên cứu: “Mấy vấn đề về quan hệ Việt-Trung những năm 1950-1970” bình luận sơ lược về “Văn kiện Lê Duẩn bàn về quan hệ Việt-Trung”; và bài “Chiến tranh Đông Dương và địa vị ngoại giao của Trung Quốc trong màn kịch hai tam giác”. Hai bài đều có chung cách phân tích cuối cùng đi đến việc Mao Trạch Đông sau này đã tự phê bình thừa nhận Trung Quốc đã phạm sai lầm về vấn đề chiến tranh Đông Dương, coi Hiệp định Gionevơ là một thất bại<sup>16</sup>.

Sở dĩ khi đó Việt Nam chưa nhận thức được như vậy là do chưa nắm được tình hình nước Mỹ, tình hình thế giới nói chung. Điều đó có nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Nguyên nhân khách quan: i) Nhiệm vụ trung tâm, tối quan trọng của cả nước chính là mặt trận quân sự, phải tập trung sức người, sức của cho cho mặt trận này. ii) Công tác ngoại giao chưa có điều kiện được quan tâm nhiều. Bộ Ngoại giao, với số lượng cán bộ rất hạn chế, lúc đó biên chế chỉ có vài chục người. Phòng Nghiên cứu (Phòng 3) theo dõi các nước, khu vực, thông tin, báo chí với hơn chục cán bộ<sup>17</sup>. Bộ trưởng Ngoại giao không có trong cơ cấu Trung ương, nói gì đến Bộ Chính trị. Ngoài ra, cơ sở vật chất cho công tác đối ngoại trong đó cho công tác nghiên cứu và thông tin rất hạn chế. iii) Cán bộ ngoại giao nói chung, cán bộ nghiên cứu nói riêng, đều chưa được đào tạo và cũng không có kinh nghiệm và nhạy cảm chính trị. iv) Cơ quan đại diện quốc gia ở nước ngoài là tai mắt cho đất nước, có nhiệm vụ vô cùng quan trọng nghiên cứu các vấn đề quốc tế. Nhưng, lúc đó Việt Nam chỉ mới có Đại sứ quán tại Bắc Kinh (1951), Mátxcova (1952) và cuối năm 1953 đầu năm 1954 mở thêm 3 Biện sự sứ (Tổng Lãnh sự quán) ở Côn Minh, Nam Ninh và Quảng Châu, Trung Quốc. Biên chế của các cơ quan đại diện cũng rất hạn chế và cán bộ cũng chưa được đào tạo, chưa có kinh nghiệm nghiên cứu<sup>18</sup>.



Nguyên nhân chủ quan và cũng là nguyên nhân chính: i) Về nhận thức, chúng ta chưa thực sự coi trọng công tác nghiên cứu nói riêng và công tác ngoại giao nói chung. Đại sứ quán Việt Nam ở Bắc Kinh chỉ tổ chức Phòng Bí thư và Phòng Tuyên truyền, không có Phòng Nghiên cứu. Trong nghiên cứu chủ yếu chỉ là điểm tin. Trong khi đó, Đại sứ quán tại Mátxcova có Phòng Nghiên cứu, song còn rất yếu. Năm 1948, đã cử ra ngoài 12 cán bộ trẻ cao cấp, nhưng không giao cho họ làm công tác nghiên cứu để đánh giá tình hình thế giới. Khi tổ chức Đoàn tham gia Hội nghị Giơnevơ, Bộ Ngoại giao cũng không tổ chức Nhóm nghiên cứu hỗ trợ cho Đoàn đàm phán. Mặc dù, ở Bắc Kinh, đã lập Nhóm công tác song cũng chỉ chuẩn bị một số tài liệu phục vụ đàm phán. ii) Việt Nam quá tin tưởng ở Liên Xô, Trung Quốc và chủ nghĩa quốc tế vô sản, cho rằng hoàn toàn có thể dựa vào Liên Xô, Trung Quốc cả về công tác ngoại giao cũng như nghiên cứu ngoại giao. Chính vì vậy nên Đoàn đàm phán của Việt Nam tại Hội nghị Giơnevơ không có cơ yếu, không có máy đánh mật mã phải hoàn toàn nhờ Đoàn Trung Quốc. Tất cả các điện đi, đến của Đoàn đều phải nhờ Trung Quốc. Không có cơ yếu làm sao giữ được bí mật? Thậm chí chúng ta còn sử dụng phiên dịch chính là Văn Trang, người Trung Quốc...

Ngoài ra, quyết định ký Hiệp định Giơnevơ của Việt Nam còn có nhân tố tác động từ chính phía Trung Quốc. Mục tiêu chính của Trung Quốc tại Hội nghị Giơnevơ là phải ký kết được Hiệp định và chia cắt Việt Nam nhằm đẩy Mỹ ra xa và có khu đệm an ninh ở phía Nam Trung Quốc. Chu Ân Lai đã nhiều lần lưu ý Phạm Văn Đồng về khả năng Mỹ can thiệp vào chiến tranh Đông Dương nếu không ký được Hiệp định. Do không nghiên cứu, không nắm được tình hình thế giới, tình hình Mỹ, thực chất chính sách của Trung Quốc và Liên

Xô đối với Việt Nam, nên Việt Nam buộc phải nghe theo Trung Quốc; mặt khác, Trung Quốc và Liên Xô còn là hai nước viện trợ chính cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam. Ngoài việc dùng sự can thiệp của Mỹ là con “ngáo ộp” để hù dọa Việt Nam, Trung Quốc còn sử dụng con bài đe dọa ngừng viện trợ. “Tại cuộc họp trù bị giữa ba Trưởng đoàn Việt Nam, Trung Quốc và Liên Xô tại Mátxcova vào tháng 4-1954, Chu Ân Lai công khai tuyên bố: nếu Việt Nam tiếp tục chiến tranh thì Trung Quốc không có khả năng giúp đỡ và viện trợ như trước được nữa” (Nguồn do thành viên Đoàn đàm phán Hà Văn Lâu nhớ lại)<sup>19</sup>.

## 2. Việt Nam có bị động khi tham gia Hội nghị Giơnevơ không?

Trước khi diễn ra Hội nghị Giơnevơ, đã có thời gian khá dài để Việt Nam nghiên cứu và chuẩn bị tham gia Hội nghị. Liên Xô và Trung Quốc là hai thành viên chính chi phối Hội nghị. Quan điểm của họ liên quan đến giải pháp thực sự đã hé lộ khá rõ từ rất sớm.

Tháng 10-1952, Chủ tịch Hồ Chí Minh bí mật tham dự Đại hội XIX Đảng Cộng sản Liên Xô. Nhân dịp này, Stalin gợi ý: nếu tình hình chiến sự có lợi cho Việt Nam thì có thể cân nhắc khả năng đàm phán với Pháp. Sau khi Stalin qua đời (3-1953), Ban lãnh đạo mới của Liên Xô do N.Khruštốp đứng đầu càng đẩy mạnh hơn chủ trương hòa hoãn với Phương Tây<sup>20</sup>. Tín hiệu thứ hai là tháng 12-1952, Hội đồng Hoà bình thế giới họp ở Viên (Áo) thông qua một Nghị quyết kêu gọi giải quyết hoà bình vấn đề Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Campuchia, Malaixia. Đoàn đại biểu của Việt Nam do ông Xuân Thủy dẫn đầu đã tham dự Hội nghị này. Như vậy, từ năm 1952, Liên Xô, Trung Quốc đã có ý đồ đàm phán giải quyết chiến tranh Đông Dương.



Ngày 27-7-1953, Hiệp định đình chiến ở Triều Tiên được ký kết. Ngay ngày hôm sau, Trung Quốc ra bài xã luận của *Nhân dân Nhật báo*. Trong xã luận nói rằng nên có một cuộc hội nghị để giải quyết vấn đề Đông Dương trên cơ sở như đã giải quyết vấn đề Triều Tiên, tức là chia cắt Việt Nam. Tiếp đó, tờ báo *Krasnaia Zvezda* (Sao Đỏ) của Liên Xô, ngày 3-8-1953 cũng nói gần như vậy.

Vậy tại sao Việt Nam không biết những hiện tượng đó để đề phòng? Và khi xảy ra là bị động.

Ta cũng không nghiên cứu quan hệ giữa Liên Xô và một số phong trào cách mạng để từ đó có thể biết và rút ra bài học cho mình. Đáng ra chúng ta cần nghiên cứu để học cái đó. Từ tháng 1-1950, Việt Nam đã lập cơ quan đại diện ở Bắc Kinh, Đại sứ quán tại Mátxcova (4-1952). Nhưng không tổ chức nghiên cứu, đặc biệt là chiến tranh Triều Tiên, chỉ điểm tin. Nếu nghiên cứu kỹ ta sẽ thấy cả Liên Xô và Trung Quốc đều lợi dụng Triều Tiên cho lợi ích của mình.

Trong giới nghiên cứu cho rằng, khi tình hình chưa rõ ràng, nếu nghiên cứu kỹ, thấy được một số tín hiệu nguy hiểm và có biện pháp thì lúc đó dư địa tự do hành động sẽ rất lớn. Như trường hợp của Việt Nam, tháng 4-1954, ta mới được mời ta tham dự thì khi đó không thể làm khác được. Việt Nam cũng có một số cử chỉ, việc làm rất cố gắng trong thế bị động nhằm giành lại thế chủ động, nhưng đều không đạt được mong muốn. Sau bài xã luận *Nhân dân Nhật báo* của Trung Quốc, ngày 28-7-1953 về đình chiến tại Triều Tiên đến khi họp Hội nghị Giơnevơ, cách nhau 10 tháng. Nếu Việt Nam thực sự coi trọng nghiên cứu ngoại giao, có đường lối độc lập tự chủ không ý lại, họp bàn, tìm cách đối phó thì 10 tháng sẽ tìm ra biết bao nhiêu kế. Nhưng ở đây vì không ai đọc, không theo dõi, không hiểu nên cuối cùng bị rơi vào thế bị động và bị chi phối.

### 3. Tại sao Việt Nam không đàm phán trực tiếp với Pháp theo đề xuất của Hồ Chí Minh cuối năm 1953?

Ngày 26-11-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn của phóng viên báo *Expressen* (Thụy Điển). Nội dung bài trả lời phỏng vấn có 4 ý lớn: i) Nếu thực dân Pháp tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thì nhân dân Việt Nam tiếp tục cuộc chiến tranh ái quốc đến thắng lợi cuối cùng; ii) Nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh..., muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình, thì nhân dân Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó; iii) Cơ sở cho thương lượng là Pháp phải thật sự tôn trọng nền độc lập của Việt Nam; iv) Nếu nước trung lập nào muốn cố gắng xúc tiến việc chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt Nam bằng thương lượng thì sẽ được hoan nghênh. Nhưng việc thương lượng đình chiến chủ yếu là một việc giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Pháp<sup>21</sup>.

Như vậy, ngay từ đầu Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định rõ là thương lượng này là của hai bên Việt, Pháp chứ không phải là việc của các nước lớn hay của nước nào khác.

Đây có phải là một tuyên bố như là một “đòn ngoại giao” như sau đó Trung ương nhận định là đã làm cho Chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Tâm ở miền Nam bị đổ hay là một biện pháp “rào trước”... Thực sự đây là một sự tiên đoán chính xác của Hồ Chí Minh Chiến dịch Đông-Xuân (1953-1954) thắng lợi và Thủ tướng Pháp nhiều lần nêu ý kiến muốn thương lượng với Việt Nam. Ngay khi Pháp chuẩn bị kế hoạch Nava thì đã báo cho H.Nava biết là sẽ thương lượng với Việt Minh.

Ngày 20-10-1953, Chính phủ Pháp tuyên bố sẽ thương lượng với Việt Minh. Quốc hội Pháp yêu cầu Chính phủ Pháp phải làm mọi việc để thương lượng và đạt được hòa bình với Việt Minh. Trong



báo cáo của Ủy ban An ninh quốc gia, Mỹ có nhận định là Pháp chuẩn bị kế hoạch Nava cũng chỉ nhằm mục đích là thương lượng với Việt Minh chứ không phải nhằm giành thắng lợi quân sự một cách áp đảo để tiêu diệt Việt Minh. Trong một áp lực lớn như thế thì không có một Chính phủ nào của Pháp lại không muốn thương lượng với Việt Minh cả. Đó là những nhận định của Mỹ.

Tại sao ý tưởng đàm phán trực tiếp với Pháp lại không được thực hiện. Trước hết, nguyên nhân khách quan là do Liên Xô và các nước lớn tại Hội nghị Beclin (25-1-1954 - 18-2-1954) thỏa thuận hợp Hội nghị Giơnevơ giải quyết vấn đề Triều Tiên và Đông Dương. Việt Nam lại là nước nhỏ không thể ngăn cản quyết định của các cường quốc. Nguyên nhân thứ hai là, Pháp thấy giải quyết chiến tranh Đông Dương trong khuôn khổ hội nghị các cường quốc có lợi cho Pháp hơn. Nguyên nhân khác có lẽ là nguyên nhân chính: Chúng ta đã không nhận thức ra, chưa lường trước được hệ quả thỏa hiệp của các nước lớn đối với lợi ích của chúng ta. Chúng ta quá tin vào chủ nghĩa quốc tế vô sản, quá tin vào Liên Xô, Trung Quốc, do vậy ngoại giao Việt Nam thiếu năng động, sáng tạo thúc đẩy triển khai ý tưởng tuyệt vời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nếu Việt Nam sớm bàn với Liên Xô, rất có thể Liên Xô sẽ ủng hộ quan điểm của chúng ta vì cũng phù hợp với quan điểm của Liên Xô giải quyết chiến tranh Đông Dương bằng đàm phán. Sự khác nhau chỉ là thương lượng trong khuôn khổ các nước lớn hay khuôn khổ Việt-Pháp.

Qua nghiên cứu nhiều tư liệu mới, một số học giả đi đến những đánh giá, nhận xét mới về Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương trên ba vấn đề: Hiệp định Giơnevơ là một sai lầm; Việt Nam hoàn toàn bị động khi tham gia Hội nghị Giơnevơ mặc dù có không ít thời gian để chuẩn bị và nguyên nhân việc chúng ta đã không triển khai ý tưởng của Hồ Chí Minh về đàm phán trực tiếp

với Pháp. Người La Mã có câu: “Lịch sử là thầy dạy của cuộc đời”.

1. Lê Mậu Hãn (chủ biên): *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, H, 1998, T. 3, tr. 126

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 21, tr. 502

3. Học viện Quan hệ quốc tế: *Bác Hồ nói về ngoại giao*, H, 1994, tr.11

4. Bộ Ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb CTQG, H, 2002, tr. 162

5, 7, 9. Bộ Ngoại giao: *Hiệp định Giơnevơ: 50 năm nhìn lại*, Tái bản lần thứ I, Nxb CTQG, H, 2016, tr. 154, 112, 112-113, 154

6. Tài liệu lưu tại Học viện Ngoại giao

8. “Thế là: 1, tổng thể các hoàn cảnh, điều kiện mà lực lượng mỗi bên tham chiến dựa vào để phát huy sức mạnh trong chiến tranh (tác chiến). Những yếu tố cơ bản của thế là: điểm đứng, trận địa; vị trí chiến trường (địa bàn tác chiến), bố trí lực lượng, tình hình quân sự, chính trị, kinh tế, dân cư, địa hình và khí tượng thủy văn ở địa bàn tác chiến; diễn biến tác chiến và chiến tranh chung; tình hình chính trị trong nước, trong khu vực và quốc tế. Thế lợi thì lực nhỏ trở thành mạnh, thế không lợi thì lực lớn trở thành yếu. Nghệ thuật quân sự Việt Nam coi thế là nhân tố quan trọng, thế lợi kết hợp với lực tất tạo được sức mạnh lớn để đánh bại kẻ thù (Trung tâm Từ điển bách khoa quân sự Bộ Quốc phòng: *Từ điển bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND, H, 1996, tr. 746)

10, 12, 13, 14, 15, 19. Ban nghiên cứu Lịch sử Ngoại giao: *Hội thảo khoa học*, ngày 27-7-2004, tr. 48-49, 31, 51-52, 18, 56, 23

16. Xem *Học giả Trung Quốc và nước ngoài bình luận về Trung Quốc của thế kỷ XX - quan điểm mới và tài liệu mới*: Nxb Nhân dân Giang Tây, Trung Quốc, 5-2003

17, 18, 20. Xem Bộ Ngoại giao: *70 năm xây dựng và phát triển*, Nxb CTQG, H, 2015, tr. 68, 93, 95

21. Xem *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 8, tr. 340-341.